

VẤN ĐỀ BẮC KỲ TRONG CÁC HIỆP ƯỚC
GIỮA VIỆT NAM VÀ PHÁP NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX

NGUYỄN LAN DUNG*

Từ khi nổ súng xâm lược Việt Nam năm 1858 cho đến khi áp đặt được chế độ cai trị lên toàn bộ Việt Nam, thực dân Pháp đã buộc triều Nguyễn phải ký kết các bản hiệp ước bất bình đẳng. Kết quả cuối cùng của quá trình đó là Việt Nam trở thành một thuộc địa mới của Pháp, được phân chia thành ba xứ Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ với chế độ cai trị khác nhau. Từ các hiệp ước, bài viết sẽ phân tích những diễn tiến trong âm mưu xâm lược Việt Nam nói chung và Bắc Kỳ nói riêng của thực dân Pháp cũng như những nội dung liên quan đến Bắc Kỳ hay những kết quả về vấn đề Bắc Kỳ mà thực dân Pháp đã giành được trong từng bản hiệp ước.

Từ khóa: lịch sử, Việt Nam, hiệp ước, cuối thế kỷ XIX

Nhận bài ngày: 07/4/2025; *đưa vào biên tập:* 10/4/2025; *phản biện:* 07/5/2025; *duyet đăng:* 11/5/2025

1. DẪN NHẬP

Trong ý đồ xâm chiếm và mở rộng ảnh hưởng của thực dân Pháp ở vùng Viễn Đông, Việt Nam được xác định là khu vực có giá trị chiến lược. Bằng việc tiến hành các cuộc viễn chinh quân sự ưu thế, Pháp buộc chính quyền phong kiến nhà Nguyễn phải lần lượt ký kết các Hiệp ước - được Pháp đặt dưới những cái tên như “hòa bình”, “liên minh”, “hữu nghị” nhưng thực chất là đầu hàng, từng bước

thừa nhận sự cai trị của Pháp trên từng phần lãnh thổ của Việt Nam và cuối cùng là toàn bộ Việt Nam. Chịu tác động từ tình hình ở Việt Nam như thái độ của vua quan nhà Nguyễn, phong trào kháng Pháp của nhân dân, từ tình hình nước Pháp như chính sách thuộc địa của Pháp, thái độ của giới thực dân ở Nam Kỳ, từ các yếu tố bên ngoài như cuộc cạnh tranh thuộc địa giữa các nước tư bản, sự hiện diện của quân nhà Thanh, vấn đề Bắc Kỳ được đề cập, giải quyết ở những mức độ khác nhau trong các bản hiệp ước. Nói cách khác, thực dân Pháp từng bước giành được các lợi quyền

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

ở Bắc Kỳ qua các bản hiệp ước và cuối cùng chính thức áp đặt sự cai trị của mình lên Bắc Kỳ cũng như Việt Nam.

2. HIỆP ƯỚC NHÂM TUẤT (Pháp gọi là Hiệp ước Hòa bình và Hữu nghị)

Ngày 1/9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công cửa biển Đà Nẵng, mở đầu cho việc xâm chiếm thuộc địa ở Việt Nam. Về phía Pháp, việc xâm chiếm Việt Nam được thúc đẩy bởi tham vọng mở rộng thị trường và khu vực ảnh hưởng trong cuộc đua với các nước thực dân khác, bởi các hành động xâm chiếm thuộc địa bằng quân sự mà các nước phương Tây khác đang tiến hành ở khu vực Viễn Đông, bởi tham vọng và khẩn cầu của các giáo sĩ muốn mở rộng “nước Chúa”, bởi những lý lẽ, lập luận đầy tính bất bình của các nhà ngoại giao, thương nhân muốn khuếch trương thị trường buôn bán nhưng bị chính sách bế quan tỏa cảng của nhà Nguyễn từ chối (Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 58). Với Tây Ban Nha, đó còn là bởi ý muốn trả thù cho các giáo sĩ Tây Ban Nha được gọi là tử vì đạo.

Từ Đà Nẵng, Pháp - Tây Ban Nha mở hướng tấn công đến Nam Kỳ. Trong khi Pháp tập trung vào Nam Kỳ và muốn tạo dựng một thế vững chân ở xứ này thì Tây Ban Nha lại có tham vọng với Bắc Kỳ - nơi được giới giáo sĩ cho là có đông đảo con chiên đang chờ đón. Sau 4 năm, ngày 5/6/1862, triều đình nhà Nguyễn phải ký với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất⁽¹⁾.

Hiệp ước Nhâm Tuất gồm 12 điều khoản. Trong Hiệp ước này, vì quân số đóng góp ít ỏi trong quá trình viễn chinh, cộng với ngân sách hạn hẹp, Tây Ban Nha lép vế trong việc đòi hỏi những lợi quyền. Ngoài khoản bồi thường chiến phí mà triều Nguyễn phải giao nộp, Tây Ban Nha không đạt được thỏa thuận nào về thuộc địa - tức ý đồ về Bắc Kỳ. Ngược lại, Hiệp ước lại mang đến cho Pháp những lợi ích không nhỏ. Riêng về vấn đề thuộc địa, Pháp được thừa nhận quyền chiếm đóng 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ, mở đầu chính thức cho sự hiện diện và cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam, mà trước hết là Nam Kỳ. Ngoài Nam Kỳ, Pháp còn đạt được một thỏa thuận liên quan đến Bắc Kỳ. Đó là Điều 5: “Những người dân của đế quốc Pháp và vương quốc Tây Ban Nha sẽ được tự do buôn bán ở ba cảng Đà Nẵng, Ba Lạt và Quảng An” (dẫn theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 533).

Như vậy, trong Hiệp ước Nhâm Tuất, vấn đề Bắc Kỳ được giới hạn trong việc mở cảng biển Quảng An (hay Quảng Yên) cho người Pháp, người Tây Ban Nha đến buôn bán, cũng tức là bước đầu mở ra con đường giao thương kết nối với giữa Đông Dương với bên ngoài.

3. HIỆP ƯỚC GIÁP TUẤT (Pháp gọi là Hiệp ước Hòa bình và Liên minh)

Từ sau Hiệp ước Nhâm Tuất, nước Pháp tham vọng mở rộng địa bàn ảnh hưởng ra toàn bán đảo Đông Dương, kéo lên tận miền Nam Trung Hoa vì

những giá trị về kinh tế, chính trị, quân sự của các vùng đất này. Để đưa hàng hóa từ đây cũng như từ Đông Dương về Pháp, chỉ có một tuyến đường thủy xuất phát từ Trung Hoa và băng qua Bắc Kỳ - khu vực nằm ngoài phạm vi của Pháp. Do vậy, muốn làm chủ tuyến đường thủy này thì phải làm chủ được Bắc Kỳ, và âm mưu, kế sách cho việc chiếm đóng Bắc Kỳ dần hình thành. Bắc Kỳ trở thành vùng đất hứa bởi những nguồn lợi to lớn mà xứ này có thể mang lại, như tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân công dồi dào, một con đường giao thông quan trọng để xâm nhập vào thị trường Trung Hoa (theo Đỗ Xuân Trường, 2022: 55) và cũng là cơ sở để cạnh tranh thị trường rộng lớn này với các đế quốc khác.

Thế nhưng, cho đến cả sau khi chiếm được hoàn toàn Nam Kỳ (1867), Pháp vẫn rất dè dặt với kế hoạch tiến ra Bắc Kỳ, bởi Pháp vẫn còn đang loay hoay với việc bình ổn và xác lập việc cai trị ở Nam Kỳ. Hơn thế nữa, Pháp cũng đang trong tình thế khó khăn, vừa không có tiền, không có binh lính, lại phải bồi hoàn cho Đức một khoản chiến phí sau cuộc chiến tranh Pháp - Phổ và phải gánh lấy những hệ quả từ cuộc chiến tranh năm 1870 (theo Cao Huy Thuần, 2003: 237).

Thế nhưng, từ trong lòng nước Pháp và cả giới thực dân ở thuộc địa, Bắc Kỳ ngày càng trở thành mối bận tâm lớn. Bị thúc giục bởi giới thương nhân, giáo sĩ và cả sự nóng ruột khi thấy thị trường thuộc địa đang bị đế quốc Anh

cùng các nước tư bản trẻ khác giằng xé, từ Nam Kỳ, Campuchia, Pháp quyết định mở rộng phạm vi chiếm đóng ra Bắc Kỳ. Tuy nhiên, Pháp cần một cái cớ để tiến quân ra Bắc Kỳ và thay đổi Hiệp ước cũ đã ký kết. Cuối cùng, sự việc của Jean Dupuis trở thành lý do của việc Thống đốc Nam Kỳ - Đô đốc Dupré cho phép Francis Garnier chỉ huy một đạo quân tiến ra Bắc Kỳ. Ngoài cái cớ là để giải quyết vấn đề Dupuis, Garnier phải đạt được 3 mục tiêu là: thiết lập một cảng đóng quân vững chắc; buộc triều Huế phải đồng ý mở cửa tạm thời sông Hồng; kéo dài việc chiếm đóng cho đến lúc thuận tiện - để duy trì việc chiếm đóng thủ phủ của Bắc Kỳ và sông Hồng (theo Cao Huy Thuần, 2003: 248). Giới chức Pháp ở chính quốc còn cho rằng, việc thương thuyết sẽ buộc triều Nguyễn phải chấp nhận nền bảo hộ ở Bắc Kỳ để đổi lại sự trao trả ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên, và như vậy sẽ vừa tránh cho Pháp phải tiêu tốn trong việc chiếm giữ Bắc Kỳ mà không phải nổ súng, vừa tạo ưu thế cho Pháp tiến vào Vân Nam, nắm lấy việc buôn bán (theo Cao Huy Thuần, 2003: 258). Biện pháp tiến hành ở đây là hòa bình, cần tránh các hành động quân sự không cần thiết.

Đầu tháng 11/1873, Garnier có mặt tại Bắc Kỳ. Garnier hiểu chiến đã nhanh chóng biến các hành động ngoại giao trở thành các cuộc tấn công quân sự ác liệt. Một vài chiến thắng, nhưng rồi Pháp cũng phải trả giá bằng việc Garnier bị tiêu diệt (tháng 12/1873).

Cái chết của Garnier đã gây nên một phản ứng dữ dội ở cả nước Pháp lẫn thuộc địa. Bị thúc ép từ phía chính phủ Pháp, lại bị công kích cực lực bởi đường lối xâm lược bằng quân sự, không được trợ cấp cả về tài chính và binh lực, Thống đốc Nam Kỳ Dupré bị ép buộc phải nhanh chóng ký kết một hiệp ước với các điều khoản có lợi nhất có thể theo tinh thần “chính phủ tuyệt đối không được có vấn đề chiếm đóng kéo dài, càng không được chiếm đóng vĩnh viễn một phần lãnh thổ nào của Bắc Kỳ” (dẫn theo Cao Huy Thuần, 2003: 289). Thế nhưng, trong khi quân Pháp vì quá hoảng sợ định rút lui, thì triều đình Huế với tư tưởng chủ bại lại chủ trương đàm phán. Đó chính là tình huống dẫn tới việc ký kết bản Hiệp ước Giáp Tuất - một bản Hiệp ước mà sau đó vấn đề Bắc Kỳ được Pháp cho là không triệt để, còn triều Nguyễn thì tìm cách trì hoãn.

Ngày 15/3/1874 Hiệp ước Giáp Tuất được ký kết ⁽²⁾. Bản Hiệp ước gồm 22 điều. Ngoài các vấn đề liên quan đến chủ quyền của Pháp ở Nam Kỳ, trong bản Hiệp ước Giáp Tuất, Pháp đạt được một số điểm cơ bản liên quan đến một trong những căn nguyên của cuộc xâm lược Bắc Kỳ - đường thủy, cũng như các quyền lợi khác của Pháp ở Bắc Kỳ. Cụ thể là:

Pháp yêu cầu mở “cửa biển Ninh Hải tỉnh Hải Dương của nước Đại Nam và từ cửa biển ấy ngược lên một giải sông Nhị Hà suốt đến địa phận tỉnh Vân Nam nước Đại Thanh và phố Hà Nội” (theo Quốc sử quán triều Nguyễn,

2007: 12) để cho người phương Tây đến thông thương, mua bán. Tuy nhiên, thời điểm mở cửa giao thương “đợi khi điều ước này cùng giao cho nhau hoặc trước khi chưa giao cho nhau nên định ngày nào khai thương làm tiện, tới khi ấy do hai nước bàn định” (Điều 11) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 12).

Về việc quản lý, Pháp được đặt “lãnh sự hoặc một viên chuyên làm việc ở các cửa biển đã khai thương ở nước Đại Nam, mỗi sở mang theo quân cốt đủ để sai phái, nhưng không được quá số 100 tên, để tiện tự vệ và tuần phòng canh giữ, cho khỏi người các nước sinh sự, đợi khi nào yên ổn không ngại gì, thì lãnh sự ở lại làm việc, quân lính mang theo rút về hết cả” (Điều 13) (theo Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 13).

Về việc khai thác, người phương Tây được đến các cửa biển để mua bán, đặt cơ sở kinh doanh theo luật của Việt Nam, tại các khu vực được chỉ định. Việc thu thuế tại đây do triều Nguyễn đảm nhiệm. Việc đi lại, buôn bán, thuê thuyền bè, thuê hàng hóa trên các cửa biển Ninh Hải, sông Hồng từ Hà Nội đến Vân Nam sẽ căn cứ trên biểu thuế của triều Nguyễn được áp dụng. Người phương Tây được thuê người Việt làm các công việc như tài phó, thông ngôn, thư ký, thợ thuyền, phu chèo thuyền, làm công việc trong nhà (Điều 12) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 13).

Về vai trò của lãnh sự, người Pháp, người phương Tây muốn cư trú tại

các cửa biển (trong đó có Quảng Yên) phải đăng ký với đại diện của Pháp để báo lại cho quan Nam triều. Lãnh sự Pháp được cấp giấy thông hành có xác nhận “đã trình” của nhà chức trách Việt Nam cho người Pháp, người nước ngoài muốn đi lại trong xứ (Điều 15) (theo Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 13).

Như vậy, theo Hiệp ước Giáp Tuất, Pháp đạt được vấn đề thông thương cửa biển Ninh Hải, quyền được giao thương trên tuyến đường thủy sông Hồng từ Vân Nam đến Hà Nội và quyền được đặt lãnh sự (đại diện dân sự, có cả quân đội thường trú) tại cửa biển này (trong khi Hiệp ước Nhâm Tuất mới chỉ đề cập đến việc mở cửa cảng Quảng An). So với tham vọng ban đầu, những lợi quyền mà Pháp có được ở Bắc Kỳ trong Hiệp ước này hạn chế hơn, nhưng lại là cơ sở cho phép người Pháp được đặt chân lên Bắc Kỳ theo một thỏa thuận ngoại giao chính thức.

Nhận định về kết quả của Hiệp ước này, chính phủ Pháp đã cho rằng: “bằng cách mở cho việc buôn bán với nước ngoài một cảng của miền Trung Nam Kỳ, một cảng và cả thủ đô của Bắc Kỳ, cùng với sự thông thương từ biển cho đến biên giới Trung Hoa, trên dòng sông Hồng mà dường như là cái cửa tự nhiên của một vùng đất hết sức rộng lớn của Trung Hoa, nó biến cho mọi nước nhiều thuận lợi quan trọng mà tương lai sẽ chứng minh” (dẫn theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 258).

4. HIỆP ƯỚC QUÝ MÙI (Pháp gọi là Hòa ước Harmand, Hiệp ước Hòa bình)

Trong khi một bộ phận giới thực dân hài lòng với Hiệp ước Giáp Tuất thì một bộ phận khác lại cho rằng Pháp đã không thu được lợi gì nhiều từ Bắc Kỳ. Họ luyến tiếc vì chữ “bảo hộ” đã bị loại bỏ khỏi Hiệp ước. Tuy vậy, những khó khăn từ nước Pháp cùng những đảo lộn liên tục trong chính trường chính quốc đã làm vấn đề Bắc Kỳ tạm thời bị gác lại. Dù vậy, trong toan tính của những tên thực dân hiếu chiến, tham vọng, Bắc Kỳ vẫn luôn được nhắc nhớ đến bằng cách này hay cách khác, dù là trong giới ngoại giao, quân sự, chính trị, tôn giáo hay thương nhân. Không thể đạt tới một ý kiến chung thống nhất nên ngay trong lòng nước Pháp và ở Nam Kỳ diễn ra sự phân hóa rõ rệt về vấn đề Bắc Kỳ. Một phe cho rằng việc tấn công Bắc Kỳ chỉ gây ra những hệ quả mà Pháp không thể lường trước được và rút kinh nghiệm từ sự thất bại của chính Pháp tại Ai Cập, Pháp hoàn toàn không nên áp dụng biện pháp can thiệp quân sự. Một phe tán thành việc áp đặt sự hiện diện của Pháp tại Bắc Kỳ nhưng chỉ nên hạn chế ở mức hòa hiếu và tránh vượt ra khỏi khuôn khổ của một quan hệ chính trị. Một phe khác kiên quyết phải chiếm được Bắc Kỳ bằng mọi giá; trong trường hợp đó, quân sự là biện pháp khả thi nhất, dù tốn kém về cả sức người và sức của nhưng những giá trị mà Pháp có thể thu được từ Bắc Kỳ sẽ vượt xa rất nhiều lần những tổn thất

đó (theo Cao Huy Thuần, 2003: 380-388).

Từ năm 1879, 1880, xu hướng chiếm đóng Bắc Kỳ trở nên mạnh mẽ và có phần chiếm ưu thế ở cả chính quốc và thuộc địa; cùng với đó là những cân nhắc trong việc bổ sung quân đội, kinh phí cho các đoàn quân viễn chinh (Devillers, 2006: 308). Vấn đề của Pháp lúc này là chiếm đóng Bắc Kỳ bằng hình thức nào và sau đó sẽ áp dụng mô hình cai trị nào ở Bắc Kỳ.

Về cách thức cai trị, những kinh nghiệm từ Nam Kỳ cho thấy mô hình thuộc địa không cho thấy ưu điểm của nó trong trường hợp của Bắc Kỳ. Hơn nữa, tình hình lúc này cũng hoàn toàn khác với trước đó. Hình thức bảo hộ một lần nữa lại được cân nhắc và được coi là thích hợp cho mục tiêu thực dân hóa rồi sau là đồng hóa. Về tình thế, cũng như trước đó, phe chủ chiến lại cần một cái cớ để đưa quân trở ra Hà Nội. Lúc này, một loạt sự kiện diễn ra nhưng đáng kể nhất là sự hiện diện của quân đội Trung Hoa cũng như quân Cờ Đen tại Bắc Kỳ, đe dọa trực tiếp thế đứng mà Pháp muốn gây dựng ở Bắc Kỳ (Tsuboi, 1999: 336).

Người được chọn để thực hiện cuộc chinh phục Bắc Kỳ là Henri Rivière và phương pháp tiến hành được xác định là “mở rộng và củng cố ảnh hưởng của chúng ta ở Tonkin và ở Trung Kỳ chỉ bằng cách chính trị, hòa bình và hành chính: Vì vậy, biện pháp mà chúng ta tiến hành hôm nay chủ yếu là phòng ngự... Hãy tránh xa những

phát súng - chúng không dùng được vào việc gì” (dẫn theo Devillers, 2006: 312). Đầu tháng 4/1882, Rivière đặt chân tới Hải Phòng. Thế nhưng, trái ngược với mệnh lệnh “hòa bình” của Thống đốc Nam Kỳ, Rivière - chẳng khác gì Garnier trước đó, đã ngay lập tức mở các đợt tấn công quân sự, tạo nên một tình huống hỗn loạn ở Bắc Kỳ. Triều đình Huế tìm viện binh từ Trung Hoa để chống Pháp. Lo lắng sự hiện diện của quân đội Trung Hoa, Bourrée - Công sứ Pháp ở Trung Hoa, đã mặc cả với Lý Hồng Chương về số phận của Bắc Kỳ theo hướng cùng nhau chia sẻ quyền lợi ở Bắc Kỳ, trong đó “Nước Pháp chỉ tìm kiếm một đường sông lên Vân Nam”; “Vạch một đường phân chia được sự chấp thuận chung, trong một vùng ở giữa sông Hồng, tại Lào Cai và biên giới của Trung Hoa ra đến tận biển. Những vùng lãnh thổ ở về phía Bắc của đường này sẽ được đặt dưới quyền kiểm soát của Trung Hoa, trong khi những vùng trải rộng về phía Nam sẽ được đặt dưới quyền của Pháp” (dẫn theo Devillers, 2006: 322).

Dù còn đang vương bận trong vấn đề Ai Cập cùng việc thay đổi nội các, nhưng việc chỉ giữ lại “xứ Bắc Kỳ gạo” (vùng đồng bằng) nhưng lại từ bỏ “xứ Bắc Kỳ hầm mỏ” (vùng núi) theo thỏa thuận trên đã làm dấy những tranh luận trong chính giới Pháp. Lúc này, Jules Ferry trở lại chính trường, phe hiếu chiến ở Pháp thắng thế, vấn đề Bắc Kỳ do vậy chính thức được xới lại. Với quan điểm “Bắc Kỳ có triển vọng

trở thành một phần thiết yếu của đế quốc Pháp”, dự thảo của Bourrée bị bãi bỏ (theo Vũ Dương Ninh, 2010: 6). Tháng 2/1883, Bộ trưởng Hải quân dự định đệ trình dự luật “có mục đích khẳng định và tổ chức sự bảo hộ của chúng ta lên Tonkin” (dẫn theo Devillers, 2006: 326). Ngày 26/4/1883, Jules Ferry trình Quốc hội Dự thảo luật đề nghị ngân sách 5,3 triệu francs để tăng cường lực lượng quân sự của Pháp ở Bắc Kỳ. Ngày 15/5/1883, Hạ viện Pháp biểu quyết thông qua Dự luật cho phép gửi một đội quân viễn chinh sang Bắc Kỳ, kèm theo Điều 2 “Nền cai trị cấp cao sẽ được ủy nhiệm cho một Tổng Ủy viên dân sự của nước Cộng hòa, chịu trách nhiệm tổ chức chế độ bảo hộ” (dẫn theo Devillers, 2006: 328). Tuy nhiên, điều này sau đó đã bị bác bỏ tại Thượng viện. Đúng lúc này, Rivière bị tiêu diệt trong trận Cầu Giấy ngày 19/5/1883. Sự việc trên đánh một đòn mạnh vào dư luận nước Pháp. Ngày 25/5/1883, Hạ viện Pháp thông qua đạo luật cấp ngân sách 5,5 triệu francs tấn công Bắc Kỳ và áp đặt chế độ bảo hộ cho xứ này với tinh thần “Nước Pháp sẽ trả thù cho các đứa con oanh liệt của mình” (dẫn theo Cao Huy Thuần, 2003: 394). Đường lối thực hiện là “sử dụng tất cả các phương tiện... để đề phòng sự can thiệp của Trung Hoa để lôi kéo chính phủ Annam trở lại với chúng ta, bẻ gãy mọi liên hệ bí mật đang tồn tại giữa Huế và Bắc Kinh, để nếu có cơ hội, kéo bọn Cờ Đen về phục vụ cho An Nam” (dẫn theo Devillers, 2006:

330). Về lâu dài “tổ chức... sự bảo hộ của chúng ta lên xứ Tonkin. Sự bảo hộ này trước tiên hãy chỉ hạn chế trong những biện pháp cần thiết để bảo đảm sự hoạt động đều đặn trong đời sống xã hội ở những vùng chiếm đóng và để thu cho chúng ta các loại thuế má... Khi thời điểm thuận lợi xuất hiện,... phải tiến hành những cuộc thương thuyết để hợp thức hóa những quan hệ mới giữa Pháp và Annam do việc chúng ta thành lập cơ sở vĩnh viễn ở Tonkin tạo nên, hoặc bằng cách đưa những điều sửa đổi vào trong Hiệp ước 1874, hoặc thậm chí bằng một hiệp định mới” (dẫn theo Devillers, 2006: 330). Như vậy, chính phủ Pháp kiên quyết xâm chiếm Bắc Kỳ bằng mọi giá.

Kết quả của việc kiên quyết trả thù và xâm lược là hàng loạt các cuộc hành quân quân sự của Pháp ở Bắc Kỳ. Ngày 17/7/1883, vua Tự Đức mất. Pháp thừa dịp đem quân tấn công kinh thành Huế. Pháp lúc này muốn một sự dàn xếp nhanh chóng để ổn định các vùng chiếm đóng, chuẩn bị cho cuộc chiến tranh với Trung Hoa có thể sẽ xảy ra không lâu sau đó. Triều Nguyễn, không còn đường lui, lại khiếp nhược bởi sự tấn công dồn dập của Pháp, đã lựa chọn con đường “hòa bình” mà thực chất là chấp thuận tất cả các điều khoản do Pháp đưa ra.

Ngày 25/8/1883 Hiệp ước Quý Mùi được ký kết⁽³⁾, gồm 27 điều, đề cập đến các quyền lợi của Pháp ở Việt Nam và những nghĩa vụ của triều

Nguyễn. Vấn đề Bắc Kỳ được đề cập trên các khía cạnh sau:

Về mặt chủ quyền, “nước An Nam thừa nhận và chấp nhận sự bảo hộ của nước Pháp với tất cả hậu quả của phương thức quan hệ này”, bao gồm cả việc nước Pháp sẽ là đại diện trong các quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các nước khác (Điều 1) (dẫn theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 573). Như vậy, Bắc Kỳ và Trung Kỳ trở thành vùng đất bảo hộ nằm dưới sự quản lý của Pháp.

Về cách thức tổ chức chế độ bảo hộ, Pháp cho lập chức Công sứ tại Hà Nội, Hải Phòng, các thành phố ven biển có thể lập ra sau này, tại các tỉnh lớn. Tại các tỉnh nhỏ sẽ sắp đặt sự hiện diện của các công chức Pháp khi thấy cần thiết (Điều 12). Giúp việc cho Công sứ, Phó sứ là trợ tá, cộng tác viên. Công sứ sẽ có lực lượng đồn trú người Pháp và lính bản xứ bảo vệ. Việc cai trị tại các tỉnh cũng dựa trên các quan lại Nam triều tại Bắc Kỳ. Quan lại Nam triều buộc phải quay trở lại nhiệm sở, với những chức vụ bổ trống Công sứ Pháp sẽ tiến hành bổ nhiệm mới (Điều 13, 14) (theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 575).

Về quyền hạn của Công sứ: trên phương diện hành chính, Công sứ là đại diện trung gian giữa các công chức, viên chức Pháp và quan lại Nam triều. Theo nguyên tắc, Công sứ hạn chế tham gia vào “những công việc hành chính vụn vặt của tỉnh” (dẫn theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 575). Về tư pháp, Công sứ nắm quyền tài

phán trong các vụ việc có yếu tố “nước ngoài”. Về tài chính, Công sứ nắm quyền kiểm soát thuế vụ và việc thu chi thông qua viên Bố chánh. Công sứ cũng đồng thời kiểm soát việc hải quan. Về an ninh, Công sứ sẽ giám sát các vấn đề về an ninh đô thị cũng như chức dịch bản xứ tại các đô thị (Điều 15, 16, 17). Trong khi đó, các quan lại Nam triều vẫn tiếp tục cai trị và điều hành công việc như trước đó nhưng dưới sự quản lý của Công sứ. Công sứ có thể miễn nhiệm họ nếu thấy cần thiết (theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 575).

Về quyền lợi, người Pháp và người dân thuộc địa Pháp được tự do đi lại, buôn bán, sinh sống, sở hữu tài sản trên toàn bộ lãnh thổ Bắc Kỳ, các cảng biển.

Về “vai trò” của nước Pháp, nước Pháp sẽ xem xét việc duy trì hoặc xây dựng thêm các đồn bốt dọc sông Hồng để “bảo đảm sự đi lại tự do trên sông” và “nếu thấy có ích”. Nước Pháp bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ An Nam về quân sự, ngoại giao, tự đảm nhận việc đánh đuổi quân Cờ Đen để “bảo đảm sự an ninh và tự do buôn bán trên sông Hồng” (Điều 22, 23) (dẫn theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 576).

Như vậy, với bản Hiệp ước này, Harmand đã thiết lập tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ, mỗi vùng một chế độ cai trị khác nhau. Trong khi ở Trung Kỳ, triều Huế vẫn giữ mọi quyền hành, bao gồm cả quyền quản lý các tỉnh, thì ở Bắc Kỳ, Pháp xác lập chế độ bảo hộ

chặt chẽ tại các tỉnh Bắc Kỳ, đặt tại mỗi tỉnh một tổ chức chính quyền hợp pháp đại diện cho mình, bước đầu nắm trong tay các quyền về hành chính, tư pháp, tài chính, an ninh. So với Hiệp ước Giáp Tuất, Pháp đã đạt được nhiều lợi quyền hơn về vấn đề Bắc Kỳ mà Pháp cho là đã bỏ lỡ trước đó.

5. HIỆP ƯỚC GIÁP THÂN

Hiệp ước Quý Mùi được ký kết đã làm dấy lên một sự phản ứng đồng loạt tại các tỉnh Bắc Kỳ. Phong trào kháng Pháp diễn ra khắp nơi. Về phía triều Nguyễn, sau nhiều lần suy xét thiệt hơn, việc thay đổi các điều khoản trong Hiệp ước được đặt ra, trong đó có việc loại bỏ chữ “bảo hộ”. Về phía Pháp, mặc dù đã đạt được nhiều quyền lợi nhưng Hiệp ước 1883 vẫn không làm thỏa mãn tham vọng bành trướng thuộc địa của Pháp với lý do: không có lợi cho việc chinh phục đất đai (theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 434). Hơn nữa, sự hiện diện của quân nhà Thanh được cho là cái gai trong tình thế ở Bắc Kỳ. Do vậy, bằng việc tiến hành các cuộc tấn công quân sự và giành chiến thắng, Pháp đã đẩy Trung Hoa đi đến ký kết Quy ước Thiên Tân ngày 11/5/1884, thừa nhận chế độ bảo hộ của Pháp với Việt Nam - cũng là từ bỏ quyền bá chủ của Trung Hoa với Việt Nam (theo Vũ Dương Ninh, 2010: 7). Tranh thủ những điều kiện này, Pháp buộc Việt Nam phải ký kết một Hiệp ước mới.

Ngày 6/6/1884 Hiệp ước Giáp Thân được ký kết⁽⁴⁾. Về cơ bản, nội dung 19

điều của Hiệp ước Giáp Thân vẫn dựa trên tinh thần của Hiệp ước Quý Mùi (giảm 7 Điều) (theo Ưng Trình, 1970: 110) nhưng với quy định đầy đủ, rõ ràng hơn về quyền lợi của nước Pháp, chế độ cai trị, mô hình cai trị của Pháp tại Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Cụ thể như sau:

Điều 1 Hiệp ước ghi rằng “Nước An Nam thừa nhận và chấp nhận sự bảo hộ của nước Pháp” và “nước Pháp đại diện cho nước Việt Nam trong mọi quan hệ ngoại giao” (Điều 1) (dẫn theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 577).

Về Bắc Kỳ, Hiệp ước đề cập đến các vấn đề như sau:

Về tổ chức chung của chế độ bảo hộ, đại diện cao nhất của chính phủ Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ là một Công sứ toàn quyền. Công sứ toàn quyền có nhiệm vụ bảo đảm việc thực thi trọn vẹn chế độ bảo hộ. Công sứ toàn quyền sẽ được đặt ở Huế, có bộ phận giúp việc riêng và có quyền trao đổi, gặp gỡ riêng với vua (Điều 5) (theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 578).

Về tổ chức tại các tỉnh Bắc Kỳ, đứng đầu các tỉnh sẽ là Công sứ hoặc Phó Công sứ, đặt dưới quyền của Công sứ toàn quyền. Công sứ đặt văn phòng ngay trong thành, trong khu vực dành cho quan lại bản xứ. Công sứ cũng có bộ phận tùy tùng là người Pháp hoặc người bản xứ (Điều 6). Về quyền hạn của Công sứ, Công sứ không can thiệp quá sâu vào công việc cai trị của tỉnh. Chính quyền bản xứ vẫn được duy trì và hoạt động

dưới sự kiểm soát của Công sứ. Việc trao đổi giữa công chức người Pháp và chính quyền bản xứ sẽ thông qua Công sứ. Về tư pháp, chính quyền Pháp cũng đồng thời nắm quyền quản lý người nước ngoài ở Bắc Kỳ, quyền tài phán trong các tranh chấp giữa người bản xứ và người nước ngoài và người nước ngoài với nhau. Về tài chính, Công sứ nắm quyền thu thuế, theo dõi thu chi thông qua Bộ chánh. Các quy định về đóng góp, thuế quan, y tế tại Bắc Kỳ sẽ áp dụng như Nam Kỳ (Điều 7, 8, 10, 11) (dẫn theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 578-580).

Về “vai trò” của Pháp, người Pháp và người dân nước bảo hộ của Pháp được đi lại, buôn bán, cư trú tự do trên toàn bộ lãnh thổ Bắc Kỳ. Pháp cam kết bảo toàn sự toàn vẹn lãnh thổ của An Nam. Pháp được quyền chiếm đóng quân sự ở Bắc Kỳ tại những địa điểm nếu thấy cần thiết cho chế độ bảo hộ (Điều 15). Việc xác định giới hạn các cảng biển, nhượng địa, xây dựng hải đăng trên bờ biển cùng các vấn đề khác tại Bắc Kỳ sẽ được ấn định sau (Điều 18) (dẫn theo Nguyễn Xuân Thọ, 2016: 580).

Như vậy, bằng việc ép buộc triều đình Huế phải thừa nhận sự bảo hộ của mình, sự hiện diện chính thức của một đại diện hợp pháp cao nhất của nước Pháp cùng các quyền lợi khác, Pháp đã đạt được mục tiêu áp đặt Việt Nam cũng như Bắc Kỳ hoàn toàn dưới sự cai trị của Pháp. Nói cách khác, quyền tự chủ của Việt Nam bị tước bỏ. Geogres Périn - đại diện cho phe

phản đối chiếm đóng Bắc Kỳ, đã tuyên bố trong cuộc thảo luận về việc phê chuẩn Hiệp ước Giáp Thân rằng “Hiệp ước Huế là một Hiệp ước bảo hộ, tức là một Hiệp ước mà kết cuộc sẽ là sát nhập. Lịch sử chính trị thuộc địa cho chúng ta thấy rằng các hiệp ước loại này không bao giờ có mục đích nào khác hơn là dọn đường cho sự sát nhập” (dẫn theo Cao Huy Thuần, 2003: 462).

6. KẾT LUẬN

Từ năm 1858 đến năm 1884, nhà Nguyễn đã lần lượt ký với Pháp bốn bản Hiệp ước. Nhìn lại các bản Hiệp ước này có thể thấy rõ những diễn tiến trong âm mưu, mục tiêu và kế sách tiêu xâm lược Việt Nam nói chung, Bắc Kỳ nói riêng của Pháp, cũng như thái độ của triều Nguyễn với tư cách là lực lượng đại diện cao nhất cho quyền lợi của dân tộc khi phải đối mặt với vấn đề sống còn của quốc gia - chủ quyền.

Về vấn đề Bắc Kỳ, theo Hiệp ước Nhâm Tuất, khi thế đứng của Pháp ở Nam Kỳ còn khá chênh vênh cũng như mục tiêu xâm lược thuộc địa của Pháp chủ yếu vẫn là Nam Kỳ thì Bắc Kỳ chỉ được nhắc đến trong một phạm vi rất hẹp là mở cửa cảng biển Quảng Yên cho người Pháp đến buôn bán. Tuy vậy, đến Hiệp ước Giáp Tuất - khi vấn đề Bắc Kỳ được đặt ra một cách rõ ràng hơn vì những “giá trị” mà Bắc Kỳ có thể mang lại cho chính quốc, Pháp đã buộc triều Nguyễn phải thông thương các cửa biển, đặt ra cơ quan thuế quan, lãnh sự tại các cảng biển

dưới sự chỉ huy của Pháp. Dù không đưa được chữ “bảo hộ” vào hiệp ước, nhưng đây lại là cơ sở cho sự xuất hiện của người Pháp ở Bắc Kỳ. Gần 10 năm sau, Bắc Kỳ chiếm vị trí quan trọng trong chiến lược và chính sách thuộc địa của Pháp ở vùng Viễn Đông, do vậy với Hiệp ước Quý Mùi, Pháp không chỉ đặt Trung Kỳ và cả Bắc Kỳ dưới chế độ bảo hộ, mà còn giành - nắm lấy quyền kiểm soát ngoại giao, quân sự, kinh tế, bộ máy chính quyền ở Bắc Kỳ. Hiệp ước Giáp Thân là sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình nhà Nguyễn trước sự xâm lược của Pháp; từ đây chủ quyền quốc gia trên mọi phương diện gần như hoàn toàn sụp đổ. Cả Bắc Kỳ và Trung Kỳ đều nằm trong tay Pháp.

Về triều Nguyễn, đối mặt với những áp lực ngoại giao, quân sự từ phía Pháp, sự rối ren, bất ổn trong nội bộ triều đình, nhà Nguyễn đã không thể giữ vững cao ngai cờ độc lập dân tộc,

tập hợp và đoàn kết nhân dân, xây dựng và kiên trì một đường lối chống Pháp thống nhất. Chính vì lẽ đó, chủ quyền quốc gia của Việt Nam lần lượt bị tước bỏ qua mỗi bản hiệp ước. Nói cách khác, việc ký kết các hiệp ước bất bình đẳng cũng đồng nghĩa với việc triều Nguyễn từng bước từ bỏ chủ quyền của mình với sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên tất cả các phương diện.

Và như vậy, từ vị thế một quốc gia độc lập, Việt Nam trở thành xứ thuộc địa - phong kiến nằm dưới sự cai trị của thực dân Pháp. Từ một quốc gia thống nhất, Việt Nam bị phân tách thành ba xứ (Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ) với chế độ cai trị, đời sống chính trị, kinh tế khác nhau. Những hệ quả từ các bản hiệp ước này sẽ còn ảnh hưởng nghiêm trọng và lâu dài đến vận mệnh và sự phát triển của Việt Nam nhiều năm sau này. □

CHÚ THÍCH

(1) Theo Dương Kinh Quốc (2003: 31) đại diện của hai bên ký kết Hiệp ước Nhâm Tuất là Thượng thư bộ Lễ, Chánh sứ Phan Thanh Giản; Thượng thư bộ Hình, Phó sứ Lâm Duy Hiệp và Thiếu tướng Hải quân Louis Adolphe Bonnard; Đại tá Tổng chỉ huy quân đội Tây Ban Nha Carlo Palanca Gutierrez.

(2) Hiệp ước Giáp Tuất được ký ngày 15/3/1874 giữa Chuẩn Đô đốc Dupré và đại diện triều Nguyễn là Hình bộ Thượng thư, Chánh sứ Toàn quyền đại thần Lê Tuấn; Lễ bộ Tả tham tri, Phó sứ Toàn quyền đại thần Nguyễn Văn Tường (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007).

(3) Ngày 25/8/1883 Hiệp ước Quý Mùi được ký kết giữa đại diện của triều Nguyễn là Trần Đình Túc, Hiệp biện Đại học sĩ, Chánh sứ; Nguyễn Trọng Hiệp, Thượng thư Bộ Lại, Phó sứ và đại diện của Pháp là Harmand (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007).

(4) Hiệp ước Giáp Thân được ký kết ngày 6/6/1884 giữa Patenôtre - đại diện Cộng hòa Pháp và đại diện triều Nguyễn gồm Nguyễn Văn Tường, Thượng thư bộ Lại kiêm phụ chánh thứ nhất; Phạm Thân Duật, Thượng thư bộ Hộ; Tôn Thất Phán, quyền Thượng thư bộ Công (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cao Huy Thuần. 2003. *Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam (1857-1914)*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
2. Devillers, Philippe. 2006. *Người Pháp và người Annam bạn hay thù?* TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
3. Dương Kinh Quốc. 2003. *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
4. Đỗ Xuân Trường. 2022. “Francis Garnier trong cuộc phiêu lưu quân sự của thực dân Pháp ở Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873)”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 2(550), tr. 55-64.
5. Nguyễn Xuân Thọ. 2016. *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1856 - 1897)*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục*, tập 8. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
7. Ưng Trình. 1970. *Việt Nam ngoại giao sử cận đại*. Sài Gòn: Văn Đàn xuất bản.
8. Vũ Dương Ninh. 2010. “Nhìn lại quan hệ Pháp - Việt Nam - Trung Quốc qua các bản hiệp ước cuối thế kỷ XIX”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 8(412), tr. 3-15.
9. Yoshiharu Tsuboi. 1999. *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*. TPHCM: Nxb. Trẻ.